TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 52/2018/DS-ST
Ngày 24 – 4 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm

2. Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2018/TLST-DS, ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P (Nguyễn Ngọc P); cư trú tại ấp T, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N; cư trú tại số 97C, Trương Phùng X, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hồ Quốc Đ (Hồ Văn Đ) và chị Ngô Thị Trà M; cùng cư trú tại ấp B, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (anh Đ vắng mặt, chị M có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/4/2017 (âl), chị Ngô Thị Trà M có nhờ chị Nguyễn Thị P (Nguyễn Ngọc P) hỏi vay dùm số tiền 7.000.000đ đến ngày 05/6/2017 (âl), chị M lại nhờ chị P hỏi vay tiếp số tiền là 20.000.000đ. Cả hai lần vay tiền, chị P là người trực tiếp giao tiền và viết giấy cam kết hỏi nợ dùm có chữ ký, chữ viết của chị M. Khi hỏi vay tiền, giữa chị P và chị M có thỏa thuận lãi suất 1,5 % nhưng chị M không có thỏa thuận lãi suất với người đưa tiền cho vay. Hiện chị P đã thanh toán xong vốn và lãi cho các chủ

nợ nhưng từ khi viết giấy hỏi nợ dùm đến nay, chị M không thực hiện việc trả lại số tiền vốn và lãi theo thỏa thuận cho chị P. Quá trình giao dịch thì chỉ có chị M và chị P tham gia giao dịch với nhau, anh Hồ Quốc Đ (Hồ Văn Đ) là chồng của chị M không biết việc này. Mặc dù, khi khởi kiện chị P có yêu cầu anh Đ và chị M cùng có trách nhiệm trả số tiền trên nhưng tại phiên hòa giải và phiên xử, chị P chỉ yêu cầu chị M là người có trách nhiệm trả một lần hết số tiền nợ 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng), không tính lãi mà không đặt ra yêu cầu anh Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ trên.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Ngô Thị Trà M (bị đơn) trình bày:

Ngày 02/7/2016 (âl), chị vay trực tiếp của chị P số tiền 7.000.000đ. Sau đó, chị tiếp tục vay của chị P nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể số tiền và thời gian vay tiền của từng lần là bao nhiêu đến ngày 02/9/2016 (âl), hai bên gặp nhau đối chiếu chị còn nợ chị P số tiền là 20.000.000đ. Cả hai lần vay trên, chị P có viết giấy cam kết hỏi nợ dùm nhưng không ghi ngày tháng năm. Tuy nhiên, chị thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong hai tờ giấy cam kết hỏi nợ dùm mà chị P cung cấp cho Tòa án là chữ của chị ký, viết ra và trong số tiền 20.000.000đ mà hai bên đối chiếu có cộng cả số tiền 7.000.000đ của lần vay trước vào nên giấy cam kết hỏi nợ dùm với số tiền 7.000.000đ, chị P có nói đã hủy bỏ. Khi vay, lãi suất hai bên thỏa thuận là 15%/tháng, mỗi tháng chị trả lãi cho chị P là 3.000.000đ nhưng tại phiên tòa, chị M cho rằng trả lãi mỗi tháng là 4.500.000đ do trong số tiền 20.000.000đ có khoản vay 5.000.000đ là tiền ngày nên mức lãi suất chị P tính đến 30%/tháng, việc thỏa thuận lãi suất chỉ nói bằng lời chứ không có ghi nhận trên bất kỳ giấy tờ, tài liệu nào và việc trả lãi cũng không có viết biên nhận, chị là người trả lãi trực tiếp cho chị P đến ngày 02/6/2017 (âl) thì ngưng cho đến nay. Quá trình vay tiền và trả lãi cho chị P, anh Đ là chồng của chị không biết, chị cũng không sử dụng số tiền vay trên vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình, đây là khoản nợ riêng của chị. Nay chị M thừa nhận có nợ và chỉ đồng ý trả cho chị P số tiền 20.000.000đ nhưng yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại lãi suất cho vay theo mức lãi suất 2%/tháng kể từ khi vay cho đến nay, nếu số tiền lãi sau khi điều chỉnh còn dôi ra thì chị yêu cầu đối trừ vào số vốn vay, nếu thiếu chị đồng ý tiếp tục trả cho chị P nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000đ cho đến khi hết nợ. Trường hợp đối trừ vào số tiền vốn vay còn thừa, chị M không đặt ra yêu cầu chị P hoàn trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho chị P nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp thấy rằng, việc chị M có vay và còn nợ chị P là sự thật, được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh. Tuy nhiên các đương

sự không thống nhất với nhau về thời gian vay, số tiền vốn vay, lãi suất thỏa thuận khi vay cũng như số tiền lãi đã trả. Xét thấy, lời trình bày của chị M có những điểm chưa hợp lý bởi lẽ ngoài lời trình bày, chị M không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh thời gian chị M vay của chị P vào các ngày 02/7/2016 (âl), 02/9/2016 (âl) với số tiền vốn vay là 20.000.000đ cùng mức lãi suất thỏa thuận khi vay là 15%/tháng, 30%/tháng và thời gian trả lãi đến ngày 02/6/2017 (âl) trong khi hai tờ giấy cam kết hỏi nợ dùm vào các ngày 02/4/2017 (âl), 05/6/2017 (âl) mà chị P cung cấp cho Tòa án (đã được đối chiếu bán chính), chị M thừa nhận chữ ký cùng chữ viết họ tên là do chính chị M ký và viết ra. Hơn nữa, tại thời điểm viết giấy cam kết không có văn bản nào của Cơ quan y tế có thẩm quyền hay quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án xác định chị M bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và trong nội dung giấy cam kết hỏi nợ dùm ngày 05/6/2017 (âl) cũng không thể hiện nội dung các bên đối chiếu, kết toán cộng số tiền vốn vay 7.000.000đ của lần vay trước vào, không ghi nhận số tiền lãi chị M đã trả trong khi chị P không thừa nhận việc này nên lời trình bày của chị M chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Do đó, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị P có căn cứ chấp nhận. Đối với việc tính lãi từ khi vay cho đến ngày xét xử, chị P không yêu cầu chị M trả lãi – đây là ý chí tự nguyện của chị P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về trách nhiệm thanh toán nợ, chị P và chị M thừa nhận khi vay tiền chỉ có hai người tham gia giao dịch, thoả thuận với nhau còn anh Hồ Quốc Đ (Hồ Văn Đ) là chồng chị M không trực tiếp tham gia, không biết việc vay nợ này. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo, triệu tập anh Đ đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng anh Đ không đến Toà án cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên xử, tuy anh Đ vắng mặt không lý do nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và chị M xác định anh Đ không liên quan, không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ vay trên, đây là khoản nợ riêng của chị M nên cùng có yêu cầu Tòa án không đưa anh Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án.

Xét thấy, với các chứng cứ có tại hồ sơ, không có chứng cứ nào thể hiện anh Đ biết, tham gia vào giao dịch vay nợ giữa chị P với chị M và việc các đương sự thỏa thuận, thống nhất không đặt ra yêu cầu anh Đ cùng có trách nhiệm trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Chính vì lẽ đó, cần buộc chị M có trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho chị P là hợp lý và việc các đương sự đề nghị không đưa anh Đ vào tham gia tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về thời gian thanh toán, giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị M phải nộp theo quy định. Chị P không phải nộp, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho chị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị P (Nguyễn Ngọc P).

Buộc chị Ngô Thị Trà M trả cho chị Nguyễn Thị P (Nguyễn Ngọc P) số tiền là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị P (Nguyễn Ngọc P) có đơn yêu cầu thi hành án chị Ngô Thị Trà M không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Chị Ngô Thị Trà M phải nộp số tiền 1.350.000đ (môt triệu ba trăm năm chục nghìn đồng - chưa nộp).

- Chị Nguyễn Thị P (Nguyễn Ngọc P) không phải nộp. Ngày 31/01/2018, chị P đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 675.000đ (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000316 được trả lại toàn bộ cho chị P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân